

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 3/2010

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3/2010	Quý 3/2009(*)	Luỹ kế năm nay	Luỹ kế năm trước (*)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.22	246.269.553.430	135.454.545	371.596.264.136	135.454.545
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.23	1.620.046.982	-	1.620.046.982	-
3. Doanh thu thuần	10	VI.24	244.649.506.448	135.454.54	369.976.217.154	135.454.54
4. Giá vốn	11	VI.25	180.293.949.692	96.996.957	273.469.278.001	96.996.957
5. Lợi nhuận gộp	20		64.355.556.756	38.457.588	96.506.939.153	38.457.588
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	7.421.675.116	6.832.335.519	22.076.801.910	23.475.707.272
7. Chi phí tài chính (lãi vay)	22	VI.27	1.167.777.777	-	1.167.777.777	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.28	807.422.429	176.789.986	1.218.538.577	200.449.986
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.29	5.401.160.722	4.901.141.455	18.631.437.246	14.496.381.384
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		64.400.870.944	1.792.861.666	97.565.987.463	8.817.333.490
11. Thu nhập khác	31		21.002.313	-	21.002.313	-
12. Chi phí khác	32		-	61.622.471	111.619.932	61.622.471
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác	40		21.002.313	(61.622.471)	(90.617.619)	(61.622.471)
14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết	45		110.633.163	-	(489.958.344)	-
15. Lợi nhuận trước thuế	50		64.532.506.420	1.731.239.195	96.985.411.500	8.755.711.019
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		4.896.699.215	-	7.247.210.508	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		11.268.781.262	-	18.511.703.509	-
18. Lợi nhuận sau thuế	60		48.367.025.943	1.731.239.195	71.226.497.483	8.755.711.019
- Phân bổ cho cổ đông thiểu số	61		244.801	-	2.231.704	-
- Phân bổ cho công ty mẹ	62		48.366.781.142	1.731.239.195	71.224.265.779	8.755.711.019

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không thể tách rời của Báo cáo Tài chính

19. Lãi trên cổ phiếu

70

VI.30

727

93

Người lập biểu



Phạm Thuý Nga

Kế toán trưởng



Vũ Thị Kim Ngân

Ngày 02 tháng 11 năm 2010



Tổng Giám đốc

Bùi Minh Chính

Ghi chú: (*) số liệu của Công ty mẹ